

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2022/HC-PT

Ngày: 15/3/2022

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 551/2020/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh YB.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1565/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng V.Ô và bà Trần Thị T.H (Trần Thị Mai T.H); địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh YB.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T.H là ông Hoàng V.Ô; ông V.Ô vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh YB;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần HT - Chủ tịch UBND tỉnh YB.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn TP-Phó Chủ tịch UBND tỉnh YB (Giấy ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 30/12/2020); vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện TY, tỉnh YB.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Màu - Phó Chủ tịch UBND huyện TY; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND thị trấn CP, huyện TY, tỉnh YB;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn NB - Chủ tịch UBND thị trấn CP; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện là ông Hoàng V.Ô và bà Trần Thị T.H cùng thống nhất trình bày:

Năm 1980, gia đình ông bà khai T.Hng được 02 mảnh ruộng có diện tích khoảng 2.000m² ở khu vực đầm S và đầm HM, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh YB để cấy lúa. Đến năm 2007-2008, do Nhà nước đổ đất xây dựng Nhà máy may nên khu vực này bị ngập úng không cấy được lúa. Do đó, gia đình ông bà đã rào lưới thả cá, cấy rau muống, nuôi bèo để chăn nuôi. Cuối năm 2016, công trình làm đường từ ngã tư Bệnh viện huyện TY đi cầu Nghĩa Phương, thị trấn CP đã đổ đất lấp hết 02 mảnh ruộng của gia đình ông bà. Gia đình ông bà làm đơn gửi Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn CP thì được trả lời là đất của gia đình khai phá nhưng bị bỏ T.Hng không sử dụng thường xuyên nên bị thu hồi theo Nghị định số 43 của Chính phủ. Do không đồng ý với nội dung trả lời của UBND thị trấn CP nên gia đình đã khiếu nại lên UBND huyện TY. Ngày 10-12-2018, Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 4610/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại; nhưng nội dung giải quyết khiếu nại không thỏa đáng nên gia đình ông bà đã làm đơn gửi UBND tỉnh YB để được giải quyết. Ngày 21-8-2019, Chủ tịch UBND tỉnh YB ban hành Quyết định số 1561/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai. Quyết định này giữ nguyên nội dung Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY.

Ông Hoàng V.Ô cho rằng nội dung Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY và Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB không phù hợp với quy định của pháp luật. Việc nhận định gia đình ông bà không sử dụng đất liên tục là không đúng với thực tế, đã xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông bà. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh YB hủy các văn bản nêu trên, đồng thời bồi thường và hỗ trợ tiền đất và tài sản trên đất cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 1840/UBND-TCĐ ngày 01-7-2020 của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh YB, do người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ngày 10-12-2018, Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 4610/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T.H (vợ ông Hoàng V.Ô) với nội dung: "... Đối chiếu với bản đồ địa chính năm 1997, so mục kê đất năm 1998 thì phần diện tích hộ bà Trần Thị T.H sử dụng tại đầm Sủi loại đất mặt nước chuyên dùng (đất phi nông nghiệp) do UBND thị trấn CP quản lý. Gia đình bà Trần Thị T.H đề nghị được bồi thường diện tích đất đầm Sủi T.Hng từ năm 1980 là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì: Diện tích đất đầm Sủi gia đình bà T.H sử dụng không ổn định, không liên tục, không canh tác từ năm 2008 đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất. Do vậy gia đình bà T.H không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là QSDĐ), không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất."

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện TY, bà Trần Thị T.H đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh YB.

Ngày 21-8-2019, Chủ tịch UBND tỉnh YB ban hành Quyết định số 1561/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T.H với nội dung: " Giữ nguyên nội dung Quyết định số: 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị T.H. Yêu cầu bà Trần Thị T.H, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng các nội dung nêu tại Quyết định số: 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY".

Chủ tịch UBND tỉnh YB khẳng định việc ban hành Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 là đúng quy định của pháp luật vì:

Thứ nhất: Gia đình bà Trần Thị T.H không có các loại giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.... Mặc dù hộ gia đình bà Trần Thị T.H có sử dụng đất tại khu vực đầm Sủi, thị trấn CP, huyện TY; tuy nhiên việc khai thác và sử dụng đất là tự phát, sử dụng không ổn định, không liên tục, phụ thuộc vào thời tiết; việc Nhà nước cho các hộ dân sử dụng để trồng rau muống, đánh bắt cá...không có nghĩa là Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình.

Thứ hai: Phần diện tích đất mà hộ gia đình bà Trần Thị T.H đã sử dụng tại đầm Sủi, đầm HM có vị trí thuộc khu vực đầm lầy, đầm nước sâu, có tác dụng là nơi trung chuyển, tiêu thoát nước mặt của thị trấn CP ra sông Hồng (loại đất có mặt nước chuyên dùng) do UBND thị trấn CP quản lý thuộc thửa số 367,

tờ bản đồ địa chính số F-48-78-3-B-II được Sở Địa chính tỉnh YB thẩm định năm 1997 không phải là đất nông nghiệp nên cũng không thuộc trường hợp áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 để bồi thường về đất.

Thứ ba: Việc UBND huyện TY không lập phương án bồi thường về đất và tài sản trên đất đối với hộ gia đình bà Trần Thị T.H là có cơ sở. Việc hộ gia đình bà Trần Thị T.H cho rằng đất khai T.Hng từ năm 1980, canh tác ổn định, liên tục, không có tranh chấp tại khu vực đầm HM , thị trấn CP, huyện TY, đề nghị được bồi thường hỗ trợ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Căn cứ các nội dung nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh YB đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh YB không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ gia đình ông Hoàng V.Ô (bà Trần Thị T.H), giữ nguyên Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB.

Tại Bản tự khai ngày 03-7-2020 của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện TY, do người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Về nội dung khiếu nại của bà Trần Thị T.H (chồng là ông Hoàng V.Ô): Bà T.H cho rằng: Năm 1980, gia đình bà có khai T.Hng 02 mảnh ruộng khu đầm Sui, đầm HM để cấy lúa. Năm 2007, do huyện đổ đất làm Nhà máy may gây ngập úng, không cấy được nên đã rào lưới thả cá, cấy rau muống để chắn nuôi ổn định, thường xuyên. Nhà nước thi công đường, đổ đất vào lưới, rau muống, đề nghị giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất gia đình đang sử dụng.

Khi giải quyết khiếu nại, căn cứ vào hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc quản lý đất đai qua các thời kỳ được lưu trữ tại UBND thị trấn CP và UBND huyện TY; Tờ bản đồ địa chính số F-48-78-3-B-II, sổ mục kê đất đai và nguồn gốc đất do UBND thị trấn CP xác nhận tại Công văn số 08/UBND ngày 28-02-2017 đã xác định:

Trước năm 1980 khu vực đầm HM là bèo rôm và lau sậy; đến năm 1980, các hộ gia đình sinh sống ở ven đầm tại tổ 1 và tổ 4 thị trấn CP, huyện TY khai phá, sử dụng để cấy lúa. ...Phần diện tích hộ bà T.H sử dụng tại đầm HM , thị trấn CP, huyện TY theo như lời bà T.H trình bày có nguồn gốc là do gia đình khai T.Hng từ năm 1980, Trong quá trình sử dụng đất tại đầm HM , gia đình bà T.H không thực hiện việc kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương; đất khai T.Hng không có bờ, thửa để xác định vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất. Hộ bà T.H không cung cấp được bất cứ tài liệu, giấy tờ gì chứng minh việc khai phá, sử dụng đất của gia đình từ những năm 1980 đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất (năm 2016).

Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 1997; sổ mục kê đất lập ngày 20-02-1998 cho tờ bản đồ địa chính số F-48-78-3-B-II tại thửa đất số 367, diện tích 30.298,3m² loại đất mặt nước chuyên dùng do UBND thị trấn CP quản lý.

Gia đình hộ bà T.H có sử dụng đất tại khu vực đầm HM , thị trấn CP, huyện TY.Tuy nhiên, việc khai phá và sử dụng đất là tự phát, sử dụng đất không ổn định, không liên tục, phụ thuộc vào thời tiết.

Với những căn cứ nêu trên, đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND huyện TY xác định: Gia đình bà T.H sử dụng đất không ổn định, không liên tục, không canh tác từ năm 2008 đến khi nhà nước thu hồi đất; không có các loại giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 nên gia đình bà T.H không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013. Việc cơ quan Nhà nước không lập phương án bồi thường về đất và tài sản trên đất đối với hộ gia đình bà Trần Thị T.H là có cơ sở.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06-8-2020, ông Nguyễn Đức Mậu không nhất trí với yêu cầu về việc huỷ các Quyết định và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất do người khởi kiện là ông Hoàng V.Ô đưa ra.

Tại Bản tự khai ngày 03-7-2020, đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn CP, ông Nguyễn Ngọc Bắc trình bày:...Khu đất bà Trần Thị T.H có đơn khiếu nại nằm trong lòng đầm Sthuộc tổ dân phố số 4, thị trấn CP. Toàn bộ lòng đầm trước đây chỉ có bèo rôm và lau sậy mọc; khoảng năm 1980, các hộ gia đình sống gần khu vực đầm Scó khai T.Hng cấy lúa trên bèo rôm. Đến năm 1996, vỡ đê, nước tràn dâng cao, bèo rôm trôi, thành đầm lầy nước trắng.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ quản lý, sử dụng đất tại địa phương qua các thời kỳ, toàn bộ khu vực đầm lầy (đầm Sui) là do UBND thị trấn CP quản lý nhưng trên thực tế các hộ dân sống xung quanh khu vực đầm Scó sử dụng một phần từ những năm 1980. Còn việc gia đình ông V.Ô, bà T.H có khai phá và sử dụng đất trên lòng đầm Shay không thì UBND thị trấn CP không có cơ sở công nhận.

Căn cứ bản đồ địa chính số F-48-78-3-B-II đo vẽ tháng 12-1996 được Sở Địa chính Yên Bái thẩm định năm 1997 và sổ mục kê đất đai năm 1998 thì UBND thị trấn CP xác định khu đất đầm Smà hộ ông V.Ô, bà T.H khiếu nại thuộc đầm lầy số thửa 367, diện tích 30.298,3m² do UBND thị trấn CP quản lý.

Tại thời điểm thu hồi đất năm 2016, trên khu vực tại đầm Smà hộ gia đình ông V.Ô, bà T.H có đơn khiếu nại chủ yếu là bèo tây, có một ít rau muống nước mọc tự nhiên. Hiện nay khu đất này đã được san lấp mặt bằng xây dựng công trình đường ngã tư bệnh viện đi cầu Nghĩa Phương và quỹ đất dân cư hai bên đường. Trong quá trình giải phóng mặt bằng, không thực hiện việc đo đạc

diện tích của từng hộ vì không có bờ thửa và nằm trong diện tích đầm lầy thuộc UBND thị trấn quản lý.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh YB:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 116, 135, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V.Ô và bà Trần Thị T.H đối với yêu cầu huỷ các Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY và Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2020 ông Hoàng V.Ô có đơn kháng cáo và ngày 09/10/2020 có đơn kháng cáo bổ sung, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng V.Ô có đơn xin vắng mặt, trong đơn có trình bày gia đình ông có công khai T.Hng mảnh đất từ những năm 1980, mong Hội đồng xét xử xem xét để gia đình ông không bị thiệt thòi.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh YB có đơn đề nghị vắng mặt và có văn bản trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh YB đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ gia đình ông Hoàng V.Ô, bà Trần Thị T.H và giữ nguyên Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB.

Chủ tịch UBND thị trấn CP có đơn đề nghị không tham gia phiên tòa phúc thẩm và có ý kiến vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết như đã ghi trong lời khai và những chứng cứ tài liệu đã nộp trước tòa sơ thẩm, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng V.Ô, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 14-5-2020, ông Hoàng V.Ô và bà Trần Thị T.H khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY và Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB, đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh YB thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định của Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY và Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Theo đơn khiếu nại của gia đình ông Hoàng V.Ô, bà Trần Thị T.H thì ông bà khiếu nại yêu cầu được lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng do dự án làm đường và khu dân cư đã thu hồi của gia đình ông, bà khoảng 2.000m² đất ruộng tại khu vực đầm Sui, đầm HM, thị trấn CP. Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 giải quyết khiếu nại là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011. Việc Chủ tịch UBND tỉnh YB ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định gia đình ông V.Ô sử dụng đất đầm lầy để trồng lúa nước từ năm 1980 đến năm 2008. Từ năm 2008 trở đi, do nước dâng cao nên không thể trồng lúa. Việc gia đình ông Ôn sử dụng đất từ năm 2008 đến năm 2016 là không rõ ràng vì việc sử dụng mặt nước không có bờ bao, ranh giới cụ thể. Những người làm chứng cũng khẳng định: *“... từ khoảng năm 2008 do mưa lũ, nước dâng nên các hộ gia đình không cấy lúa được nữa và cũng không thả cá”* nên không có căn cứ để khẳng định gia đình ông V.Ô sử dụng liên tục.

Theo ông V.Ô thì diện tích đất gia đình ông khai phá năm 1980 và sử dụng liên tục; nhưng việc sử dụng đất của gia đình ông V.Ô cũng không được đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Ông V.Ô cũng không cung cấp được bất kỳ một loại giấy tờ gì thể hiện gia đình được sử dụng đất theo quy định của Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-05-2014 của Chính phủ và quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Tại bản đồ địa chính chính số F-48-78-3-B-II đo vẽ tháng 12-1996 được Sở Địa chính tỉnh YB thẩm định năm 1997 và sổ mục kê đất đai năm 1998 thì khu đất đầm Sui, đầm HM mà hộ ông V.Ô sử dụng là thuộc đầm lầy số thửa 367 diện tích 30.298,3m² do UBND thị trấn CP quản lý.

Như vậy, gia đình ông V.Ô là hộ gia đình sử dụng đất nhưng không thuộc trường hợp có căn cứ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Diện tích đất gia đình ông V.Ô sử dụng nằm trong diện tích đất mặt nước do UBND thị trấn CP quản lý, được xác định từ năm 1996, theo quy hoạch sử dụng đất của UBND huyện TY đã được UBND tỉnh YB phê duyệt năm 1998.

[2.3] Về yêu cầu đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng: Đối với diện tích 2.000m² hộ gia đình ông V.Ô không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những người sinh sống ven đầm Sui, bao gồm cả những người ông V.Ô đề nghị là người làm chứng cũng đều khẳng định từ năm 2008 đến nay gia đình ông V.Ô không cấy lúa, không nuôi thả cá mà chỉ đánh bắt cá tự nhiên trên mặt đầm. Như vậy, gia đình ông V.Ô không có bất kỳ một điều kiện nào để được hưởng bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Việc UBND huyện TY không lập danh sách bồi thường đối với gia đình ông V.Ô là đúng quy định của pháp luật. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY không chấp nhận khiếu nại của ông V.Ô là có căn cứ. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB đã giữ nguyên nội dung Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY là có cơ sở.

[3] Tòa án cấp cơ sở đã bác các yêu cầu của ông Hoàng V.Ô về việc hủy các Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện TY và Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 21-8-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh YB và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của gia đình ông V.Ô là đúng quy định của pháp luật. Ông V.Ô đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của gia đình nhưng không đưa ra yêu cầu, số liệu cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của gia đình ông Ôn là đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng V.Ô.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng V.Ô phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Hoàng V.Ô; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh YB.

Về án phí: Ông Hoàng V.Ô phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm; đối trừ số tiền 300.000 đồng mà ông V.Ô đã nộp theo Biên lai số 0005794 ngày 20/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh YB.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh YB;
- Cục THADS tỉnh YB;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Tất Nam

Lê Thị Thúy Bình